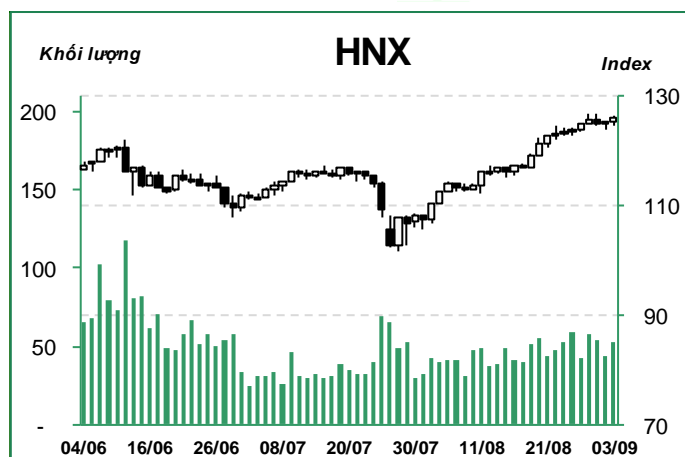
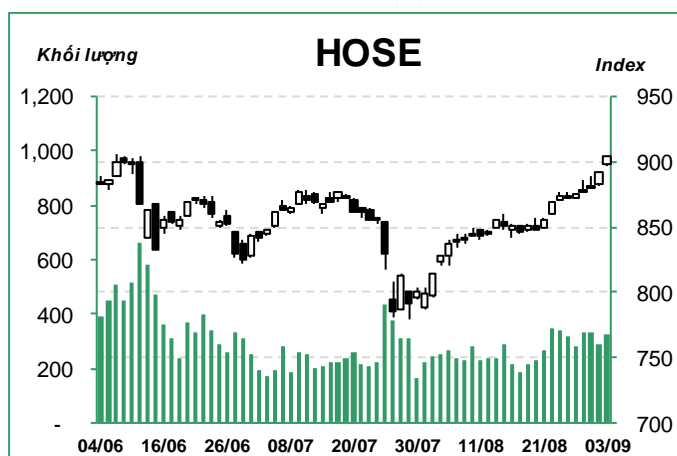


## Tổng quan thị trường

03/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>903.97</b>	<b>1.37%</b>	<b>843.64</b>	<b>1.40%</b>	<b>126.05</b>	<b>0.51%</b>
Cuối tuần trước	878.98	2.84%	821.93	2.64%	125.84	0.17%
Trung bình 20 ngày	864.35	4.58%	802.50	5.13%	121.19	4.01%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>369.59</b>	<b>16.59%</b>	<b>135.28</b>	<b>55.35%</b>	<b>54.91</b>	<b>6.64%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>323.22</b>	<b>13.25%</b>	<b>104.71</b>	<b>32.84%</b>	<b>52.27</b>	<b>18.38%</b>
Trung bình 20 ngày	273.78	18.06%	76.93	36.11%	47.95	9.01%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>7,653.55</b>	<b>27.58%</b>	<b>4,076.48</b>	<b>54.86%</b>	<b>578.82</b>	<b>-9.12%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>6,122.79</b>	<b>25.62%</b>	<b>3,170.99</b>	<b>33.19%</b>	<b>552.52</b>	<b>8.08%</b>
Trung bình 20 ngày	4,673.51	31.01%	2,093.81	51.45%	564.68	-2.15%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	235	51%	25	83%	90	25%
<b>Số mã giảm</b>	170	37%	4	13%	67	19%
<b>Số mã đứng giá</b>	60	13%	1	3%	199	56%



Sau kỳ nghỉ lễ, dòng tiền tiếp tục đổ vào thị trường, đặc biệt là nhóm cổ phiếu trụ đã kéo các chỉ số đồng loạt đi lên mạnh mẽ. Tâm lý lạc quan của nhà đầu tư giúp VN-Index có lần đầu tiên trở lại mốc 900 điểm sau gần 3 tháng. Trong khi đó, đà tăng của HNX-Index tiếp tục được nối dài.

Chốt phiên, VN-Index tăng vọt hơn 12 điểm và đóng cửa tại mức 903.97 điểm (+1.37%). Thanh khoản gia tăng với KLGD khớp lệnh đạt 323.2 triệu cổ phiếu (+13.2%), tương đương với giá trị 6,123 tỷ đồng (+25.6%). Độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về chiều mua với 235 mã tăng so với 170 mã giảm.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giao dịch khá sôi động trong phiên hôm nay. Vietcombank-VCB đóng góp nhiều nhất vào đà tăng điểm của chỉ số khi đóng cửa tăng 3.9% cùng lượng giao dịch đột biến. Bên cạnh đó, các cổ phiếu trụ khác như Vingroup-VIC (+1.9%), BIDV-BID (+1.9%) hay Vinhomes-VHM (+1.1%) cũng tăng điểm khá ấn tượng. Ở chiều ngược lại, Vietinbank-CTG (-0.8%), Dược Hậu Giang-DHG (-2.2%), Vietnam Airline-HVN (-0.4%) là những cổ phiếu trụ chịu áp lực điều chỉnh.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn HoSE hôm nay với giá trị 356.9 tỷ đồng. Lực mua tập trung chủ yếu ở cổ phiếu Vietinbank-CTG (+674.8 tỷ) và đa phần là mua thỏa thuận. Theo sau là các cổ phiếu khác cũng được mua ròng đáng kể như Petrolimex-PLX (+62.3 tỷ), Vincom Retail-VRE (+26.8 tỷ). Trái lại, Vinhomes-VHM

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
CTG	24,896.6	626.28
TPB	3,500.0	76.30
VNM	495.6	61.52
HDB	2,000.0	53.20
VCB	435.3	36.59
NHH	440.0	26.40
NVL	410.0	25.66
BID	600.0	24.99
SAB	116.0	22.49
VRE	530.3	14.90
<b>HNX</b>		
SHS	1,300.0	14.69
GKM	419.7	7.09
SDA	905.2	4.35
PVI	5.5	0.17

(-142.9 tỷ), Vietcombank-VCB (-48.9 tỷ), BIDV-BID (-30.7 tỷ) bị khối này bán ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index diễn biến giao dịch giằng co nhưng kết phiên vẫn đóng cửa tăng điểm tại mức 126.05 điểm (+0.51%). KLGĐ khớp lệnh đạt 52.3 triệu cổ phiếu (+18.4%), tương đương 552.5 tỷ đồng giá trị (+8.1%).

Trong đó, Vinaconex-VCG (+2.9%), Thaiholdings-THD (+5.4%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.5%) là động lực chính cho đà tăng của chỉ số. Ở chiều ngược lại, Idico-IDC (-1.3%), Bột giặt Net-NET (-4.5%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) chịu áp lực điều chỉnh đáng kể nhất.

Khối ngoại tăng bán ròng trên sàn Hà Nội, với giá trị 8.4 tỷ đồng (+252.9%). Trong đó, Dầu khí PTSC-PVS (-7.0 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-1.7 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-0.7 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, Đầu tư Thăng Long-TIG (+1.9 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.7 tỷ), Dược Phẩm TW3-DP3 (+0.2 tỷ) đứng đầu danh sách mua ròng của khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng phục hồi của chỉ số đang mạnh lên, khi chỉ số vượt qua ngưỡng kháng cự tâm lý 900 điểm với chùm MA5,10,20 duy trì trạng thái phân kỳ dương, kèm theo chỉ báo ADX hướng lên vùng 23 và +DI nở rộng khoảng cách lên phía trên so với -DI, cho tín hiệu củng cố xu hướng phục hồi hiện tại. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể sớm vượt qua ngưỡng 905 điểm (đỉnh tháng 6/2020) và hướng lên thử thách vùng kháng cự 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và chùm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 127.4 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi và có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao hiện tại và hướng danh mục vào lớp cổ phiếu có cơ bản tốt, có tính dẫn dắt thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GEX	25.3	10,488.4	7.0%
TMS	29.1	30.8	7.0%
DTA	4.8	47.9	7.0%
MCP	28.4	1.6	7.0%
RIC	4.9	9.7	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TDW	23.3	0.0	-7.0%
HOT	46.5	0.0	-7.0%
HAP	7.6	80.8	-7.0%
PTL	6.8	7.3	-6.9%
UDC	5.7	80.5	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.0	364.1	0.8%
GEX	25.3	256.6	7.0%
VNM	124.7	250.3	1.2%
DBC	48.4	238.6	5.5%
VHM	79.6	231.7	1.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HSG	12.0	14,906.2	1.3%
HPG	25.0	14,553.9	0.8%
STB	11.4	11,143.0	0.9%
GEX	25.3	10,488.4	7.0%
FLC	3.2	9,958.8	-0.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.9	218.6	12.5%
BII	1.0	995.6	11.1%
SPI	1.1	36.3	10.0%
FID	1.1	22.2	10.0%
NSH	2.2	20.2	10.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.5	343.3	-16.7%
NHC	27.3	0.1	-9.9%
SFN	21.9	0.5	-9.9%
PIC	9.7	0.1	-9.4%
STP	6.0	0.1	-9.1%

#### Top 5 giá trị

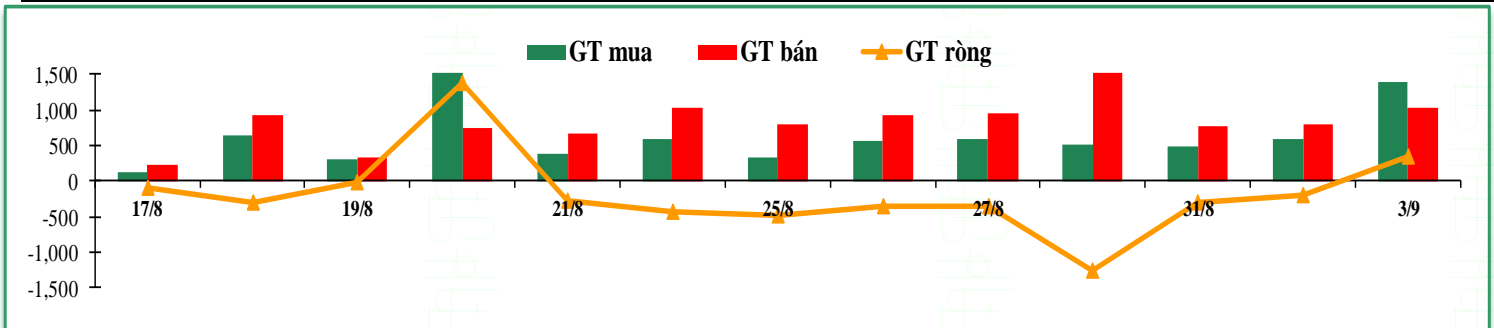
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	128.6	0.5%
PVS	12.7	48.9	-0.8%
SHB	14.1	46.8	0.0%
TNG	12.6	27.8	6.8%
SHS	11.3	23.9	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	6,080.6	0.5%
HUT	2.5	5,250.4	4.2%
PVS	12.7	3,841.3	-0.8%
KLF	1.8	3,822.9	0.0%
SHB	14.1	3,325.3	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,383.6	22.6%	1,026.7	16.8%	356.9
HNX	5.0	0.9%	13.3	2.4%	-8.4
<b>Tổng số</b>	<b>1,388.6</b>		<b>1,040.1</b>		<b>348.5</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	26.0	676.1	-0.8%
VNM	124.7	170.6	1.2%
HPG	25.0	68.2	0.8%
PLX	52.1	63.2	0.4%
VRE	28.1	59.7	3.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	79.6	165.5	1.1%
VNM	124.7	148.9	1.2%
VCB	86.2	108.3	3.9%
HPG	25.0	67.6	0.8%
VIC	94.5	43.5	1.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	26.0	674.8	-0.8%
PLX	52.1	62.3	0.4%
VRE	28.1	26.8	3.1%
VNM	124.7	21.7	1.2%
BVH	51.7	13.1	0.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	6.6	1.9	1.5%
NTP	31.2	0.8	1.0%
BVS	10.9	0.4	0.9%
DP3	74.0	0.2	0.0%
LHC	45.3	0.2	-1.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.7	7.1	-0.8%
SHS	11.3	1.8	0.0%
DXP	12.4	0.7	1.6%
VCS	64.6	0.7	0.9%
PLC	21.2	0.5	0.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	6.6	1.9	1.5%
NTP	31.2	0.7	1.0%
DP3	74.0	0.2	0.0%
HUT	2.5	0.2	4.2%
VCG	36.0	0.1	2.9%

## Tin trong nước

### **Việt Nam tiếp tục duy trì thứ hạng cao về chỉ số đổi mới sáng tạo 2020**

Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2020 (GII 2020) được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố chiều 2/9 cho thấy Việt Nam duy trì được thứ hạng cao.

Năm nay Việt Nam xếp thứ 42/131 quốc gia và nền kinh tế (năm 2019 là 42/129). Với thứ hạng này Việt Nam giữ vị trí số một trong nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á.

So với năm 2019, chỉ số về các sản phẩm sáng tạo tăng 9 bậc; chỉ số hợp tác viện trường, doanh nghiệp tăng 10 bậc; chỉ số Số công bố bài báo khoa học và kỹ thuật tăng 13 bậc; năng lực hấp thụ tri thức tăng 13 bậc. Trong nhóm chỉ số đầu vào tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, Việt Nam tiếp tục tăng 1 bậc.

### **PVN lãi 8 tháng đạt hơn 11.000 tỷ đồng**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) vừa báo cáo kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm. Theo đó tổng doanh thu trong tháng 8 gần 41.613 tỷ đồng và lũy kế đạt hơn 372.308 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế gần 1.368 tỷ đồng trong tháng vừa qua và lũy kế đạt 11.369 tỷ đồng.

Về sản xuất, tập đoàn cho biết khai thác được 7,76 triệu tấn quy dầu các loại, vượt 8% kế hoạch 8 tháng. Sản xuất đạm ghi nhận gần 1,2 triệu tấn, vượt 5% kế hoạch. Sản xuất điện ở mức 14,03 tỷ kWh, bằng 97% kế hoạch. Sản xuất xăng dầu đạt hơn 8,2 triệu tấn, tương đương 93 % kế hoạch 8 tháng.

### **Đức bắt đầu thu hút vốn đầu tư từ Việt Nam**

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), nguồn vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 8 tăng mạnh tới 2,5 lần so với tháng 7. Có 6 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới và 8 lượt dự án điều chỉnh, với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt 77,3 triệu USD. Như vậy, bất chấp dịch Covid-19, lũy kế 8 tháng năm 2020, tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam đạt hơn 330,2 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Đáng chú ý, Đức là nước dẫn đầu đón nhận nhiều vốn đầu tư nhất của các doanh nghiệp Việt với 4 dự án mới, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 92,6 triệu USD, chiếm 28% tổng vốn đầu tư trong 8 tháng đầu năm. Trong đó, chủ yếu có dự án của Công ty TNHH Vonfram Masan đầu tư sang Đức. Đây cũng là dự án đầu tư ra nước ngoài quy mô thuộc diện lớn nhất kể từ đầu năm tới nay. Lào đứng thứ hai nhận vốn đầu tư của Việt Nam với 86,7 triệu USD, chiếm 26,3%. Tiếp theo là Myanmar, Mỹ, Singapore...

Các doanh nghiệp Việt Nam đã rót vốn đầu tư ra nước ngoài ở 13 lĩnh vực. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu, với 10 dự án cấp mới và 6 lượt điều chỉnh vốn, tổng vốn đăng ký gần 226 triệu USD, chiếm 68% tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực dịch vụ lưu trú ăn uống đứng thứ 2, với tổng vốn đầu tư gần 39,6 triệu USD, chiếm gần 12%. Tiếp theo là các lĩnh vực bán buôn, bán lẻ và thông tin truyền thông...

Nguồn: NDH



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **D2D tạm ứng cổ tức tiền mặt 15%**

HDQT Công ty Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (HoSE: D2D) vừa thông qua Nghị quyết tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền, tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng). Với 21,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự kiến chi gần 32 tỷ đồng để trả cổ tức.

Thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông là 18/9, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 17/9. Ngày thực hiện thanh toán dự kiến là 30/9.

Công ty có kế hoạch duy trì mức cổ tức tiền mặt 30% cho năm 2020.

Tổng kết 6 tháng đầu năm, D2D ghi nhận doanh thu 149 tỷ đồng, tăng 22% và lợi nhuận sau thuế 150 tỷ đồng. Dự án Khu dân cư Lộc An tiếp tục là động lực tăng trưởng cho doanh nghiệp này.

Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu giảm 49% xuống 414 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 51% còn 178,7 tỷ đồng. D2D có truyền thống đặt kế hoạch thấp hơn khả năng thực hiện. Sau nửa năm, doanh nghiệp đạt 36% kế hoạch doanh thu và 84% chỉ tiêu lợi nhuận.

### **TNG báo doanh thu tháng 8 đạt 613 tỷ đồng, tăng 11%**

Công ty Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) thông báo doanh thu tiêu thụ tháng 8 đạt 613 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,5% so với tháng trước. Tổng doanh thu lũy kế 8 tháng đạt 3.058 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Riêng doanh thu nội địa 8 tháng đạt gần 200 tỷ đồng, tăng 42%.

Theo BCTC 7 tháng, TNG ghi nhận 2.445 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 94,5 tỷ đồng, giảm 26%. Riêng tháng 7, doanh thu tăng 6% và lãi giảm 13,5%. Lợi nhuận riêng tháng 7 đã đóng góp 31,7% lũy kế 7 tháng.

### **Lãi ròng bán niên của Kinh Bắc giảm 73% sau soát xét**

Tổng CTCP Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) công bố báo cáo tài chính bán niên được kiểm toán. Trong đó, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 4% so với số liệu tự lập, còn 105 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm mạnh 73% còn 15 tỷ đồng, thấp nhất 7 năm. Công ty không có giải trình cho sự thay đổi này.

So với cùng kỳ, doanh thu giảm 54% và lợi nhuận sau thuế giảm 4%. Với kết quả trên, công ty chỉ hoàn thành 12,9% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo phương án khả quan và 10,5% theo phương án tích cực mà ĐHCĐ thông qua trước đó.

Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm mạnh 96%.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVT	Chốt lời	04/09/20	11.85	10.8	9.7%	12	11.1%	10.4	-3.7%	Tín hiệu điều chỉnh khi tiệm cận kháng cự

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHM	Quan sát mua	04/09/20	79.6	86.5   95	Tín hiệu rũ hàng phiên 1/9 với nền bóng dưới thủng nền tích lũy + có phiên tăng vol tăng lại, khả năng có thể sớm breakout nền -> cần chờ đóng cửa vượt 80 để xác nhận
2	MSN	Quan sát mua	04/09/20	55.4	58   61	Tín hiệu thoát mẫu hình Vai đầu vai + các phiên gần đây duy trì được trong vùng bóng nền của nền break và MACD Histogram vẫn tăng -> khả năng sớm tăng thoát nền tích lũy
3	POW	Quan sát mua	04/09/20	10.5	11.2-11.5	Nền breakout nền tích lũy và vượt MA200, khả năng có nhịp tăng ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 10.3-10.4
4	DBC	Quan sát mua	04/09/20	48.4	57	Giá đang sideway quanh các đường MA + có phiên tăng tốt vol tăng cao lại, khả năng có thể sớm có phiên breakout -> cần phiên đóng cửa vượt 50 để xác nhận
5	THG	Quan sát mua	04/09/20	51.7	57	Tín hiệu tích cực với nền Hammer trong vùng hỗ trợ EMA kèm vol cao -> cần tiếp phiên tăng tốt đóng cửa tăng để cho tín hiệu xác nhận quay lại xu hướng tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	10/08/20	25	24.2	3.3%	26.6	9.9%	23.2	-4%	
2	PAC	Mua	13/08/20	23.2	23.6	-1.7%	25.9	9.7%	22.3	-6%	
3	SAB	Mua	14/08/20	193.8	183	5.9%	206	13%	177	-3%	
4	FMC	Mua	18/08/20	31.65	27.7	14.3%	32.3	17%	26.7	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	DGC	Nắm giữ	20/08/20	39.75	33.45	18.8%	43.5	30%	31.8	-5%
6	VCB	Mua	21/08/20	86.2	83	3.9%	90	8%	81.7	-2%
7	VRE	Mua	27/08/20	28.1	27.2	3.3%	28.6	5%	26.6	-2%
8	PNJ	Mua	03/09/20	61.4	61	0.7%	67.5	11%	58.4	-4%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 03/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,400	0 %	-9%	9,018	104	75,200	214	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,310	0.1 %	55%	4,378	67	50,400	1,434	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,880	0.5 %	25%	3,129	56	50,400	1,457	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,750	-2.8 %	4%	16,004	50	50,400	1,416	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,530	2.0 %	2%	3,700	133	50,400	770	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	820	30.2 %	-24%	1,075	32	29,800	636	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,730	21.9 %	25%	13,680	35	29,800	2,586	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,750	2.6 %	460%	166	28	25,000	6,044	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,300	3.6 %	187%	616	13	25,000	1,502	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	4,270	5.2 %	4%	11,804	88	25,000	104	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,170	-0.2 %	161%	14,412	56	25,000	1,306	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,160	3.5 %	1%	3,772	137	25,000	809	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,450	2.8 %	8%	4,263	89	25,000	1,538	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,300	2.4 %	1%	3,471	228	25,000	1,735	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2015	6,700	6,710	3.1 %	0%	3,234	179	25,000	1,231	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,580	3.3 %	3%	19,852	95	55,400	698	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,740	2.2 %	25%	470	133	25,000	247	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,430	9.0 %	46%	57,554	78	61,400	1,753	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	2,000	6.4 %	33%	13,745	78	11,400	1,287	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,430	6.6 %	34%	40,351	95	124,700	1,859	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2009	1,630	2,350	6.8 %	44%	10,584	78	23,700	1,822	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,510	2.0 %	-25%	9,312	67	18,200	572	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	53	18,200	7	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,190	4.4 %	8%	36,013	56	18,200	890	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,420	2.9 %	1%	6,483	133	18,200	831	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	640	6.7 %	-72%	25,910	104	55,400	13	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	60	-14.3 %	-97%	29,897	13	55,400	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	570	9.6 %	-73%	28,865	56	55,400	13	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,400	-4.1 %	-26%	16,113	133	55,400	499	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	3,500	-0.3 %	40%	162	28	94,800	1,578	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	360	-2.7 %	-82%	1,011	53	94,800	1	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	12,220	1.7 %	-5%	2,876	88	94,800	8,969	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,300	3.2 %	0%	12,891	54	94,800	1,020	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,830	0.6 %	14%	27,381	50	94,800	1,643	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,860	0.5 %	33%	18,657	133	94,800	1,432	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,870	10.0 %	-19%	10	104	63,200	130	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,560	0.4 %	28%	1,360	188	63,200	998	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	730	-4.0 %	-70%	2,605	28	61,400	0	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	200	25.0 %	-90%	108	53	61,400	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	590	1.7 %	-41%	5,426	56	61,400	224	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	930	-1.1 %	-7%	2,677	133	61,400	465	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,500	0 %	50%	1,252	56	37,500	1,528	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CREE2004	1,570	2,710	2.3 %	73%	8,965	50	37,500	2,707	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,750	1.7 %	35%	78	133	37,500	1,363	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	180	0 %	-82%	852	104	2,240	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	530	-1.9 %	-82%	3	104	14,500	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,140	8.6 %	-33%	20,513	104	11,400	300	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	520	-3.7 %	-62%	42,554	13	11,400	302	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,290	6.6 %	-8%	10,305	88	11,400	668	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	490	2.1 %	-55%	35,781	61	11,400	66	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	900	2.3 %	-40%	1,547	214	11,400	248	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	360	-2.7 %	-82%	10,698	53	22,000	2	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,970	6.5 %	-34%	2,056	88	22,000	774	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,190	6.3 %	83%	13,064	56	22,000	2,042	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,880	5.6 %	11%	3,315	133	22,000	1,238	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,000	2.0 %	-68%	611	104	79,600	29	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	8,460	3.6 %	-26%	11,628	88	79,600	4,404	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,260	5.0 %	26%	21,659	56	79,600	993	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	360	0 %	-76%	8,599	32	79,600	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,240	15.9 %	-11%	3,500	133	79,600	463	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	210	-8.7 %	-91%	2,261	104	107,600	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	610	15.1 %	-68%	2,390	56	107,600	6	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	190	5.6 %	-89%	5,195	32	107,600	0	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	15,890	5.7 %	-9%	1,557	88	124,700	8,383	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,550	4.5 %	70%	9,260	56	124,700	2,218	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	490	2.1 %	-68%	48,989	32	124,700	3	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,540	5.5 %	-36%	5,122	188	124,700	312	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,100	5.0 %	17%	19,630	133	124,700	1,305	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	2,050	5.1 %	-40%	10,968	88	23,700	808	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,270	5.0 %	-25%	7,502	56	23,700	711	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2008	1,800	1,890	1.6 %	5%	1,280	133	23,700	1,231	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	390	5.4 %	-87%	92,923	104	28,100	2	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,730	22.4 %	-32%	4,598	88	28,100	1,167	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,440	14.3 %	31%	40,876	56	28,100	1,302	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	690	13.1 %	-55%	17,002	214	28,100	194	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,240	13.8 %	3%	12,113	133	28,100	740	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VRE</a> (New)	HOSE	28,100	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a> (New)	HOSE	10,500	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a> (New)	HOSE	94,800	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a> (New)	HOSE	63,200	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,000	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	117,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	55,400	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	25,000	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	102,500	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	105,400	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	23,700	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	56,700	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,100	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	61,400	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn